

PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG TRANH BIỆN CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ CÁC TRƯỜNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TRONG DẠY HỌC NÓI VÀ NGHE THEO CHƯƠNG TRÌNH SÁCH GIÁO KHOA NGỮ VĂN

Nguyễn Thị Hoa¹, Trương Thị Hợp², Nguyễn Thị Huyền Diệu², Lê Thùy Linh², Bùi Thị Ngọc Mai²

TÓM TẮT

Phát triển kỹ năng tranh biện cho học sinh là một vấn đề quan trọng và cần thiết hiện nay. Phát triển kỹ năng tranh biện, học sinh có thể nâng cao khả năng phản biện, sáng tạo, biết giải quyết vấn đề đa chiều. Dạy học nói và nghe có tiềm năng lớn trong việc phát triển kỹ năng này. Tuy nhiên, kỹ năng tranh biện của học sinh các trường THCS Dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa còn nhiều hạn chế. Xuất phát từ thực trạng đó, chúng tôi đề xuất một số biện pháp nhằm phát triển kỹ năng tranh biện cho học sinh trong dạy học nói và nghe, đáp ứng mục tiêu đổi mới giáo dục, phù hợp với bối cảnh hội nhập của thời đại.

Từ khóa: Kỹ năng, tranh biện, kỹ năng tranh biện.

DOI: <https://doi.org/10.70117/hdujs.3.2024.668>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trên thế giới, tranh biện là một hoạt động được quan tâm, việc phát triển kỹ năng tranh biện cho học sinh được chú trọng. Tuy nhiên, ở Việt Nam, hoạt động tranh biện chỉ mới được quan tâm trong những năm gần đây. Sách giáo khoa Ngữ văn chương trình 2018 đã bước đầu quan tâm tới việc phát triển kỹ năng tranh biện thông qua nội dung dạy học nói và nghe (Thảo luận về một vấn đề của đời sống phù hợp với lứa tuổi (ý thức trách nhiệm với cộng đồng của học sinh), trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (văn học, đời sống...)). Trong một thế giới đa dạng, nhiều thách thức và biến đổi từng ngày, kỹ năng tranh biện là một công cụ đắc lực giúp con người tồn tại và phát triển.

Hiện nay, học sinh các trường trung học cơ sở (THCS) Dân tộc nội trú (DTNT) trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa có khả năng sử dụng thành thạo ngôn ngữ phổ thông trong quá trình học tập, giao tiếp. Tuy nhiên, các em còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình tranh biện, bảo vệ quan điểm cá nhân. Do đó, phát triển kỹ năng tranh biện cho học sinh THCS Dân tộc nội trú là một vấn đề cần được quan tâm, giúp học sinh có khả năng giải quyết vấn đề đa chiều, nâng cao khả năng sáng tạo, phản biện.

Trong bài viết, chúng tôi đi sâu nghiên cứu cấu trúc kỹ năng tranh biện, vai trò của kỹ năng tranh biện đối với học sinh THCS Dân tộc nội trú; đề xuất một số biện pháp phát triển kỹ năng tranh biện cho học sinh THCS Dân tộc nội trú trong dạy học nói và nghe môn Ngữ văn.

¹ Khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức; Email: nguyenthioa@hdu.edu.vn

² Sinh viên K24 CLC Đại học Sư phạm Ngữ văn, Khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lí thuyết

Để nghiên cứu các vấn đề thuộc cơ sở lý luận, chúng tôi đã sử dụng các phương pháp sau: So sánh, phân tích, tổng hợp các nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến kĩ năng tranh biện, hoạt động nói và nghe tương tác, đặc điểm tâm lí lứa tuổi học sinh bậc THCS.

2.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

Khảo sát thực tế việc vận dụng kĩ năng tranh biện trong dạy học nói và nghe môn Ngữ văn.

Phương pháp phân tích dữ liệu: sử dụng trong quá trình xử lí các số liệu thu thập về thực trạng phát triển kĩ năng tranh biện cho học sinh trong dạy học nói và nghe môn Ngữ văn ở THCS trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều tra, phỏng vấn, hỏi ý kiến chuyên gia, thực nghiệm, nhằm rút ra các nhận định về thực trạng dạy học phát triển kĩ năng tranh biện hiện nay, đánh giá các biện pháp đề xuất về tính phù hợp, khả thi.

Thực nghiệm sư phạm: thiết kế và tổ chức dạy học bài nói và nghe có lồng ghép các biện pháp phát triển kĩ năng tranh biện nhằm khẳng định tính cần thiết, quan trọng của kĩ năng này cũng như khẳng định tính khả thi, hữu ích của một số biện pháp được đề xuất.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kĩ năng tranh biện và vai trò của kĩ năng tranh biện trong nhà trường THCS

Kĩ năng tranh biện là khả năng cá nhân sử dụng kiến thức, hiểu biết, kinh nghiệm,... của mình vào những tình huống có sự đối lập về quan điểm, phương pháp giải quyết về cùng một vấn đề để đưa ra lập luận, lý lẽ nhằm chứng minh quan điểm của mình là đúng. Đồng thời, đó cũng là khả năng người tham gia tranh biện biết lắng nghe, nắm bắt, dự đoán lí lẽ của đối phương nhằm bác bỏ quan điểm của họ. Theo đó, kĩ năng tranh biện gồm các thành tố: Phần bề sâu bao gồm các tri thức nền tảng về khoa học, văn hoá, xã hội,...; Những hiểu biết về kĩ năng tranh biện; Động cơ, hứng thú liên quan đến tranh biện; Phần bề mặt là các hành vi có thể quan sát được, bao gồm: Phát hiện vấn đề có tính tranh biện; Lập luận chặt chẽ làm rõ quan điểm cá nhân; Bác bỏ và hiệu chỉnh các nguy biện trong lập luận quan điểm trái chiều.

Kĩ năng tranh biện có vai trò quan trọng, không chỉ trong học tập mà còn trong đời sống. Trong học tập, kĩ năng tranh biện giúp học sinh tiếp cận nội dung bài học đa chiều, chủ động và trình bày ý kiến cá nhân hiệu quả. Trong đời sống, kĩ năng tranh biện góp phần giúp học sinh nhìn nhận vấn đề từ nhiều góc độ, biết phán đoán, chất lọc thông tin hữu ích [6].

Trong phát triển năng lực, kĩ năng tranh biện chiếm một vai trò quan trọng. Thông qua việc suy luận, phân tích thông tin, xây dựng lập luận và trình bày quan điểm, học sinh phát triển khả năng tư duy logic, khả năng thuyết phục người nghe và rèn luyện sự tự tin trong giao tiếp. Nhưng để có được lập luận logic và thuyết phục đòi hỏi học sinh cần có lượng tri thức nền vững chắc. Thông qua việc tìm kiếm tài liệu, xử lí thông tin, học sinh

phát triển kỹ năng nghiên cứu và làm việc độc lập. Hơn nữa, tranh biện giúp học sinh học cách lắng nghe ý kiến của người khác và đưa ra phản hồi với thái độ tôn trọng người cùng tranh biện. Ngoài ra, tranh biện đòi hỏi học sinh tìm ra các cách tiếp cận mới và sáng tạo để giải quyết vấn đề, từ đó giúp học sinh phát triển tư duy sáng tạo [7].

3.2. Thực trạng phát triển kỹ năng tranh biện cho học sinh trong nhà trường THCS

Để tìm hiểu thực trạng phát triển kỹ năng tranh biện cho học sinh ở các trường THCS Dân tộc nội trú tỉnh Thanh Hoá, chúng tôi đã khảo sát 19 giáo viên, 215 học sinh ở 11 trường THCS Dân tộc nội trú tỉnh Thanh Hóa. Kết quả thu được như sau: 52,6% giáo viên hiểu đúng và đủ bản chất của tranh biện; 45,1% học sinh cho rằng kỹ năng tranh biện quan trọng và cần thiết. Tuy nhiên, sự quan tâm của giáo viên chỉ ở mức độ thấp, việc phát triển kỹ năng tranh biện trong dạy học nói và nghe cho học sinh các trường THCS Dân tộc nội trú chưa được chú trọng phát triển. Điều này thể hiện ở tần suất thực hiện các thao tác trong tranh biện của giáo viên chỉ mới ở mức trung bình (41,1% giáo viên phát triển kỹ năng tranh biện cho học sinh với tần suất *Thỉnh thoảng*) và mức độ kỹ năng tranh biện của học sinh phần lớn nằm ở ngưỡng *Chưa đạt* (51,6%).

Mặt khác, trong tranh biện, yêu cầu học sinh không chỉ nói đúng, mà còn phải có lập luận - lập luận có logic và tư duy nhanh. Tuy nhiên, học sinh THCS Dân tộc nội trú phần lớn là con em dân tộc thiểu số, sinh sống chủ yếu ở khu vực miền núi Thanh Hóa nên tính cách của một số học sinh còn rụt rè, ngại giao tiếp, chưa mạnh dạn bày tỏ quan điểm của mình... Điều này cũng ảnh hưởng sâu sắc đến việc phát triển kỹ năng tranh biện cho người học. Do đó, cần có những biện pháp để phát triển kỹ năng tranh biện cho học sinh THCS DTNT trong dạy học nói và nghe môn Ngữ văn.

3.3. Các biện pháp phát triển kỹ năng tranh biện cho học sinh THCS DTNT trong dạy học nói nghe

3.3.1. Hướng dẫn học sinh phát hiện vấn đề có tính tranh biện trong dạy học nói và nghe

Để có môi trường phát triển kỹ năng tranh biện trong giờ dạy học nói và nghe thì bản thân đề tài nói và nghe phải có tính tranh biện. Trong đó, vấn đề được chọn để tranh biện phải là một vấn đề mà các bên có quan điểm khác nhau nên cần phải thảo luận, đưa ra lập luận hoặc bằng chứng để bảo vệ quan điểm của mình và thuyết phục người khác chấp nhận quan điểm đó.

Khi lựa chọn vấn đề tranh biện, học sinh DTNT cũng gặp không ít khó khăn vì ở các huyện miền núi điều kiện kinh tế - xã hội còn chậm phát triển, các hiểu biết xã hội của học sinh chưa được đa dạng như ở những vùng khác. Mặt khác, trong nội quy của một số trường THCS Dân tộc nội trú quy định học sinh không được sử dụng điện thoại đi động. Chính điều này cũng tạo khó khăn cho học sinh trong quá trình tiếp cận thông tin. Vì vậy, học sinh sẽ ít có cơ hội tiếp cận với những vấn đề xã hội nóng bỏng.

Xuất phát từ những lý do trên, khi hướng dẫn học sinh xác định nội dung, vấn đề tranh biện, giáo viên nên có sự chỉ dẫn học sinh lựa chọn vấn đề về văn hóa và truyền thống

dân tộc phù hợp với môi trường học tập đa văn hóa, góp phần vào việc tạo ra một cộng đồng học tập tích cực và phát triển cho học sinh. Giáo viên cũng có thể hướng dẫn học sinh chọn lựa các vấn đề có liên quan đến đời sống xã hội và đời sống hàng ngày như vấn đề về giáo dục, sức khỏe, môi trường, công nghệ, hoặc quan hệ giữa các thế hệ. Điều này sẽ giúp học sinh cảm thấy tự tin hơn khi tham gia tranh biện và diễn đạt quan điểm của mình. Đồng thời, học sinh có thể nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của các vấn đề này đối với cuộc sống hàng ngày.

Ngoài việc chọn các vấn đề quen thuộc, giáo viên cần mở rộng những hiểu biết xã hội hơn cho học sinh thông qua việc cung cấp thông tin về đời sống xã hội bằng cách cung cấp các bài báo, phóng sự, phim ảnh, hình ảnh hoặc cung cấp link tài liệu để người học mở rộng vốn hiểu biết của mình.

Một số lưu ý khi giáo viên hướng dẫn học sinh lựa chọn chủ đề: nên chọn vấn đề phù hợp với đối tượng là học sinh THCS và đáp ứng các yêu cầu về đảm bảo đúng mục tiêu bài học, thời gian tổ chức, giáo viên nên chọn vấn đề tranh luận có tính thời sự... không nên chọn vấn đề quá phức tạp vì tốn nhiều thời gian tìm kiếm kiến thức và khó giải thích trong thời gian ngắn; ngược lại không nên chọn đề tài quá ngắn, đơn giản vì chưa kích thích triệt để kiến thức trong tranh biện của học sinh [4].

Ví dụ: Bài 5, sách giáo khoa Ngữ văn lớp 8 (tập 1), bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, phần Nói và Nghe: “Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (một thói quen xấu của con người trong xã hội hiện đại)”, học sinh có thể kế thừa phần Viết: “Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại)”. Một trong những chủ đề mà học sinh có thể chọn là: “Nên hay không nên theo đuổi lối sống ảo mà một số người đang theo đuổi?”, “nên hay không nên có thần tượng?”, “chọn du học nước ngoài hay ở lại trong nước?”, “nên hay không nên chêm xen tiếng nước ngoài trong giao tiếp hàng ngày?”.

3.3.2. *Hướng dẫn học sinh xác định luận điểm nêu lý lẽ logic, minh chứng thuyết phục trong quá trình tranh biện*

Hướng dẫn học sinh nghiên cứu, tìm kiếm tài liệu

Do đặc thù về điều kiện tự nhiên, văn hóa cũng như khả năng ngôn ngữ của học sinh THCS Dân tộc nội trú, giáo viên hướng dẫn học sinh nghiên cứu và tìm kiếm tài liệu phải phù hợp thông qua một số cách thức như sau:

Giáo viên cung cấp tài liệu cho học sinh

Với đối tượng là học sinh THCS Dân tộc nội trú, tài liệu chủ yếu được giáo viên cung cấp cho học sinh chuẩn bị trước khi tranh biện, đó là những tài liệu có thông tin liên quan đến chủ đề tranh biện chưa được xử lý, nhận xét, đánh giá để học sinh thực hiện việc chọn lọc và hệ thống hóa thành tri thức học tập cá nhân của mình.

Chẳng hạn như đề tài: “Trong xã hội hiện đại ngày nay, sản phẩm thủ công có thực sự cần thiết không?” Trong bài nói và nghe: *Trình bày ý kiến về một vấn đề (một sản phẩm văn hóa truyền thống)*” (Ngữ văn 8 tập 1, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*), giáo viên có thể cung cấp một loạt các tài liệu trước khi tranh biện là: sách (“*Sản phẩm thủ công Việt Nam*”

của Lê Quý Đôn; “*Điểm Sáng Thủ Công Việt Nam*” của Nguyễn Thị Mỹ Lê, “*Handmade in Vietnam*” của Tạp chí Heritage Fashion,...); bài báo (“*Sản phẩm thủ công độc bản: hành trình từ bàn tay nghệ nhân đến người dùng*” - báo Tuổi trẻ; “*Xúc tiến sản phẩm thủ công mỹ nghệ và sản phẩm làng nghề*” - báo Nhân dân; “*Tăng sức cạnh tranh cho các sản phẩm thủ công mỹ nghệ*” - báo Biên phòng) hoặc video liên quan đến một số sản phẩm thủ công.

Hướng dẫn học sinh tìm kiếm các kênh thông tin liên quan

Học sinh THCS DTNT vẫn ít có điều kiện tra cứu trực tuyến và tìm các kênh đáng tin cậy. Vì vậy, giáo viên cần hướng dẫn, đề xuất cho học sinh tra cứu các tài liệu liên quan trên các kênh: bài báo, tạp chí, sáng kiến kinh nghiệm, khóa luận,... hay các chương trình do các diễn giả diễn thuyết, talkshow, video dự án, sách nói,... Hướng dẫn học sinh tìm hiểu các tài liệu có cơ sở khoa học để đảm bảo tính khoa học trong giáo dục. Học sinh có thể tìm đọc tham khảo tài liệu dạng bản in hoặc trên internet (Google Scholar, Web of Science (Clarivate Analytics), Scopus,...).

Ví dụ: “*Thảo luận ý kiến về một vấn đề đời sống phù hợp với lứa tuổi - Về hiện tượng bắt nạt, liệu em cho rằng đây là một hành vi tự nhiên của con người hay là kết quả của sự ảnh hưởng từ môi trường xã hội và gia đình?*” Chủ đề này được gợi ra từ một số các tác phẩm văn học như: *Dế Mèn phiêu lưu kí* của Tô Hoài, *Bắt nạt* của Nguyễn Thế Hoàng Linh,... (Ngữ văn 8, bài 7 - Tin yêu và ước vọng). Giáo viên hướng dẫn học sinh tra cứu qua Google Scholar tìm từ khoá “*Bắt nạt học đường*”, chúng ta sẽ thấy một số bài báo liên quan, chẳng hạn: Báo Kinh tế đô thị - Vấn nạn “*bắt nạt học đường*” ngày càng gia tăng (<https://kinhhtedoithi.vn/van-nan-bat-nat-hoc-duong-ngay-cang-gia-tang.html>)

Hướng dẫn học sinh xác định luận điểm nêu lý lẽ logic, minh chứng thuyết phục

Để chuẩn bị được hệ thống luận điểm chặt chẽ cần phải có một lập luận tốt. Theo *Đại từ điển tiếng Việt*, lập luận là “trình bày lý lẽ một cách có hệ thống, có logic nhằm chứng minh cho một kết luận về một vấn đề” [1; tr.195]. Tác giả *Nguyễn Đức Dân* lại chỉ rõ: “Lập luận là một hoạt động ngôn từ. Bằng công cụ ngôn ngữ, người nói đưa ra những lý lẽ nhằm dẫn dắt người nghe đến một hệ thống xác tín nào đó; rút ra một (một số) kết luận hay chấp nhận một (một số) kết luận nào đó?” [2; tr.165].

Mỗi nhóm cần chuẩn bị một hệ thống luận điểm chặt chẽ, có thể sử dụng cấu trúc CRE(L) để phát triển ý kiến và cung cấp dẫn chứng cụ thể. Cấu trúc CRE(L) gồm bốn phần: C - Claim (Tuyên bố), R - Reason (Lý do), E - Evidence (Bằng chứng), L - Link (Liên kết).

Ví dụ: Bài 3, SGK Ngữ văn 8 (tập 1), bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, ở phần nói và nghe: “*Thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (ý thức trách nhiệm với cộng đồng của học sinh)*”. Giáo viên có thể định hướng cho học sinh lập luận dựa trên cấu trúc CRE(L) qua hai quan điểm đối lập nhau.

Quan điểm đồng tình: *Tuyên bố* (Học sinh THCS có ý thức trách nhiệm với cộng đồng); *Lý do* (Học sinh THCS đóng vai trò quan trọng trong cộng đồng và có khả năng tạo ra ảnh hưởng tích cực đối với môi trường xã hội xung quanh), *Bằng chứng* (Mỗi Học sinh đều là một thành viên của cộng đồng học đường Học sinh có thể tham gia các hoạt động từ thiện hoặc công việc xã hội nhỏ phù hợp với lứa tuổi, sức lực như: làm sạch khuôn viên trường,

giúp đỡ các bạn có hoàn cảnh khó khăn; Học sinh cũng có thể tham gia vào các dự án nhỏ hỗ trợ cộng đồng như: ủng hộ, quyên góp quỹ, đồ đạc cho những gia đình nghèo,... *Liên kết* (Việc tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội không chỉ giúp Học sinh THCS phát triển kỹ năng xã hội mà còn hình thành nhận thức về trách nhiệm và lòng yêu thương đối với cộng đồng. Điều này góp phần xây dựng một xã hội văn minh hơn)

Quan điểm không đồng tình: Tuyên bố (Học sinh THCS không có trách nhiệm với cộng đồng; *Lý do* (Học sinh THCS đang trong giai đoạn phát triển và họ chưa đủ trưởng thành để đảm nhận trách nhiệm đối với cộng đồng), *Bằng chứng* (Học sinh THCS chủ yếu tập trung vào việc học và phát triển bản thân, không có thời gian đủ để tham gia các hoạt động cộng đồng; Học sinh còn thiếu nhận thức về trách nhiệm đối với cộng đồng và thường coi việc này là trách nhiệm của người lớn hơn; Các hoạt động xã hội mang tính tập thể đòi hỏi sự chủ động, và tự quản lý, nhưng học sinh THCS thường còn thiếu kỹ năng này). Do đang ở giai đoạn phát triển, học sinh THCS thường chưa đủ trưởng thành, nhận thức chưa đầy đủ để đảm nhận trách nhiệm đối với cộng đồng).

Hướng dẫn học sinh đánh giá lập luận

Việc giáo viên hướng dẫn học sinh tự đặt và trả lời các câu hỏi đánh giá các lí lẽ và dẫn chứng là vô cùng quan trọng và cần thiết. Giáo viên có thể hướng dẫn học sinh đánh giá thông tin qua các câu hỏi định hướng:

Nguồn gốc của thông tin này là gì? Có đáng tin cậy không?

Ý kiến này có được hỗ trợ bằng dẫn chứng, nghiên cứu xác đáng không?

Ý kiến này có tính logic không? Có mâu thuẫn hay không?

Có lập luận nào phản biện lại ý kiến này không?

Ý kiến này có ảnh hưởng lớn đến vấn đề chúng ta đang tranh luận không?

Có những giả định nào được đặt ra trong ý kiến này? Có phản biện nào về các giả định này không?

Có sự thiên vị hoặc mục đích đằng sau ý kiến này không?

Ý kiến này có phản ánh đúng hay thiếu sót về vấn đề được tranh luận không?

Trong quá trình tranh biện, em có phát hiện những cách nhìn nhận khác về đề tài đó không?

Giáo viên cũng có thể hướng dẫn học sinh sử dụng bảng kiểm tra dưới đây để đánh giá hệ thống lí lẽ và dẫn chứng:

Các lập luận		Các tiêu chí đánh giá											
		Tính đúng đắn		Tính liên quan		Tính huyết phục		Tính sáng tạo		Tính logic		Tính phù hợp	
		Đ	KĐ	Đ	KĐ	Đ	KĐ	Đ	KĐ	Đ	KĐ	Đ	KĐ
Luận điểm 1	Lí lẽ												
	Dẫn chứng												
Luận điểm 2	Lí lẽ												
	Dẫn chứng												

Những câu hỏi, bảng kiểm tra này sẽ giúp học sinh phát triển kỹ năng đánh giá và phản biện một cách toàn diện khi tham gia tranh biện trong giờ học nói và nghe.

3.3.3. Hướng dẫn học sinh bác bỏ các nguy biện trong lập luận quan điểm trái chiều

Biện pháp bác bỏ các nguy biện trong lập luận quan điểm trái chiều thực hiện trong chính lập luận của người tranh biện và trong phản bác lập luận của đối phương. Bác bỏ nguy biện trong lập luận là một khâu quan trọng giúp lí lẽ, dẫn chứng của học sinh đưa ra được sâu sắc, chắc chắn. Muốn thực hiện hiệu quả biện pháp này cần thực hiện tốt các thao tác sau: xác định nguy biện và bác bỏ nguy biện.

Hướng dẫn học sinh xác định nguy biện

Nguy biện là lập luận vi phạm các quy tắc trong suy luận logic để giành phần thắng lợi về mình trong tranh biện [3]. Từ đó, có thể biến sai thành đúng, biến đúng thành sai. Học sinh cần xác định nguy biện trong chính lập luận của mình và trong lập luận của đối phương nhằm đưa ra những lí lẽ, minh chứng sắc bén và phản bác lại lí lẽ của đối phương. Một số câu hỏi gợi ý để xác định nguy biện trong lập luận: Lí lẽ đó có thuyết phục không? Lí lẽ đó đã làm sáng tỏ luận điểm chưa? Người tranh biện đã tập trung vào vấn đề tranh biện chưa?...

Một số dạng nguy biện trong lập luận thường gặp ở quá trình tranh biện là:

Nguy biện vòng quanh: thay vì đưa ra thông tin mới thì người tranh biện chỉ lặp lại các luận điểm cũ bằng cách diễn đạt khác, luận điểm đưa ra thiếu thuyết phục vì chúng không thể bổ sung cho nhau.

Nguy biện tấn công cá nhân: Thay vì bàn luận về vấn đề tranh biện thì người tham gia tranh biện lại chăm chăm sỉ nhục, hạ bệ, công kích đối tượng tranh biện bằng ngôn từ để giảm uy tín của họ.

Nguy biện thiên vị: Thay vì dùng lí lẽ, logic thì lại dùng lời ám chỉ đe dọa để bắt đối phương đang cùng tranh biện phải đồng ý với quan điểm, lập luận mà mình đưa ra.

Hướng dẫn học sinh bác bỏ nguy biện

Bác bỏ nguy biện là dựa vào những tri thức đã biết, những chứng cứ đã được kiểm tra để chỉ ra những sai sót, những vi phạm quy tắc logic trong lập luận nguy biện [1]. Mỗi loại có một phương pháp bác bỏ riêng nhưng cơ bản là dựa trên phương pháp làm ngược lại những thủ pháp nguy biện mà nhà nguy biện đã sử dụng.

Bác bỏ nguy biện dựa vào đám đông, dư luận: Để bác bỏ, ta phải chứng minh rằng kết luận, luận cứ, lập luận đó chưa đúng hoặc thiếu cơ sở.

Bác bỏ nguy biện vòng quanh: Muốn bác bỏ kiểu nguy biện này, người tham gia tranh biện phải chỉ ra sự thiếu đúng đắn trong các luận cứ. Hoặc chỉ ra sự thiếu liên kết giữa các luận cứ với luận đề.

Bác bỏ nguy biện diễn đạt mập mờ: Để bác bỏ nguy biện này, người tham gia tranh biện chỉ cần chỉ ra chỗ đối phương cố tình làm cho mập mờ và thay bằng từ khác làm rõ nghĩa hơn.

Ví dụ: Hãy đưa ra lí lẽ để bảo vệ quan điểm cho rằng: “*Nên đầu tư phát triển các sản phẩm làng nghề truyền thống trong thời đại hiện nay*”.

Bước 1: Hướng dẫn học sinh xác định nguy biện

Một số câu hỏi định hướng giúp học sinh xác định nguy biện: Có phải lúc nào đám đông cũng đúng? Cần lập luận như thế nào mới làm sáng tỏ quan điểm? Lí lẽ, minh chứng có trùng với luận điểm không?

Ngụy biện dựa vào đám đông, dư luận: Cho tới hiện nay vẫn còn nhiều người cho rằng phát triển mạnh mẽ những gì thuộc về truyền thống thì mới là giữ gìn nét văn hóa của dân tộc.

Ngụy biện vòng quanh: Người tham gia tranh biện cho rằng: muốn phát huy giá trị truyền thống của dân tộc thì cần bảo vệ giá trị truyền thống đó, muốn bảo vệ thì phải đầu tư phát triển mạnh mẽ, đầu tư mạnh mẽ thì mới phát huy được giá trị truyền thống...

Bước 2: Hướng dẫn học sinh bác bỏ ngụy biện

Bác bỏ ngụy biện dựa vào đám đông, dư luận: Đưa ra lý lẽ cần phải quan tâm đến nhu cầu thực tế xã hội, kinh phí đầu tư, sự tiện dụng của các sản phẩm trong xã hội hiện đại.

Bác bỏ ngụy biện vòng quanh: Đầu tư phát triển các sản phẩm làng nghề truyền thống là một cách để lưu giữ lại nét văn hóa truyền thống của dân tộc. Các sản phẩm làng thủ công truyền thống làm ra tỉ mỉ, chi tiết hơn so với sản xuất nhà máy hàng loạt.

Thói quen của HS nói chung, đặc biệt của học sinh Dân tộc nội trú nói riêng là tiếp nhận ý kiến một chiều, thụ động,... do đó, tìm các điểm chưa phù hợp trong lập luận là việc quan trọng và cần thiết cho việc phát triển kỹ năng tranh biện cho học sinh. Như vậy, việc phát hiện và bác bỏ ngụy biện này giúp cho việc đưa ra các lập luận chặt chẽ, bảo vệ quan điểm một cách chắc chắn. Bác bỏ những ngụy biện trong lập luận giúp học sinh có thể tiếp nhận, cất nghĩa thông tin một cách sắc bén, sâu sắc.

4. KẾT LUẬN

Phát triển kỹ năng tranh biện cho học sinh trong dạy học nói và nghe là một vấn đề có ý nghĩa khoa học và thực tiễn nhằm giúp học sinh nâng cao kỹ năng lập luận, trình bày vấn đề và phát triển ngôn ngữ. Dù có vai trò quan trọng là vậy, nhưng vấn đề phát triển kỹ năng tranh biện trong dạy học cho học sinh nói chung, cho học sinh THCS Dân tộc nội trú nói riêng chưa được quan tâm đúng mức.

Trong bài viết này, chúng tôi đã làm rõ hơn về vai trò và phương pháp phát triển kỹ năng tranh biện, đồng thời, đề xuất các biện pháp phát triển kỹ năng tranh biện trong dạy học nói và nghe trong môn Ngữ văn cho học sinh các trường trung học cơ sở Dân tộc nội trú tỉnh Thanh Hóa góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển cá nhân cho học sinh trong tương lai.

Việc phát triển kỹ năng tranh biện không chỉ phù hợp trong hoạt động dạy học nói và nghe. Kỹ năng này còn có thể phát triển trong quá trình dạy học đọc hiểu văn bản và hoạt động viết. Vì vậy, giáo viên cần áp dụng linh hoạt, phù hợp, thường xuyên và tích hợp trong dạy học nói - nghe và cả trong dạy học đọc hiểu, viết để nâng cao hiệu quả phát triển kỹ năng tranh biện cho người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Đình Bảo, Ngô Thị Liễu, Bùi Văn Chí (2003), *Xây dựng và phát triển các kỹ năng cho sinh viên thông qua phiên tòa giả định thực tiễn tại trường đại học Luật, đại học Huế*, Tạp chí pháp luật và thực tiễn, số 56.
- [2] Nguyễn Đức Dân (1998), *Ngữ dụng học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

- [3] Nguyễn Thị Hiền (2020), *Sử dụng kỹ thuật tranh biện nhằm phát triển năng lực phân biện cho học sinh lớp 11 trong dạy học đọc hiểu văn bản “Chiều cầu hiền”* (Ngô Thị Nhậm), Sáng kiến kinh nghiệm, Trường Trung học phổ thông Chu Văn An, sở Giáo dục và đào tạo Thanh Hóa.
- [4] Hoàng Thị Thu Huyền, Cung Thị Thu (2023), *Rèn luyện kỹ năng tranh biện cho học sinh lớp 10 qua dạy học phần nói và nghe: Thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau* (Bộ sách kết nối tri thức và cuộc sống, Ngữ văn 10), Sáng kiến kinh nghiệm, Trường Trung học phổ thông Yên Thành 2, Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An.
- [5] Lê Thanh Sơn (2020), *Giáo trình kỹ năng tranh luận và lập luận, Phần 2*, Nxb. Đại học Huế, Thừa Thiên Huế.
- [6] Nguyễn Thị Lê Thanh (2019), *Sử dụng hoạt động tranh biện trong dạy học đọc hiểu văn bản nhằm phát triển tư duy phân biện và năng lực phân biện cho học sinh trung học phổ thông*, Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 10.
- [7] Hà Thị Thu Thủy, Phạm Quỳnh Trang (2022), *Phát triển năng lực tranh biện cho học sinh trong dạy học Lịch sử ở trường phổ thông* (Nghiên cứu trường hợp trường trung học cơ sở địa bàn thành phố Thái Nguyên), Tạp chí Trường Đại học Sư phạm Đại học Thái Nguyên, 227(13):108-115.
- [8] Nguyễn Như Ý (1999), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

DEVELOPING DEBATE SKILLS FOR STUDENTS IN ETHNIC BOARDING SECONDARY SCHOOLS IN TEACHING SPEAKING AND LISTENING LANGUAGE LITERATURE

Nguyen Thi Hoa, Truong Thi Hop, Nguyen Thi Huyen Dieu, Le Thuy Linh, Bui Thi Ngoc Mai

ABSTRACT

Developing debate skills for students is important and necessary in the current era. By developing debate skills, students can improve their ability to critique, be creative, and solve multi-dimensional problems. Teaching speaking and listening has great potential in developing this skill. However, the debate skills of students at ethnic minority boarding secondary schools in Thanh Hoa province are still limited. Starting from that situation, we propose a number of measures to develop debate skills for students in teaching speaking and listening, meeting the goal of educational innovation in accordance with the integration context of the times.

Keywords: Skills, Debate, Debate skills.

* Ngày nộp bài: 2/5/2024; Ngày gửi phản biện: 2/5/2024; Ngày duyệt đăng: 26/12/2024